Phong GD&ÑT Dau Tieng
Tröông Mam Non 13/3

VU GIAO DUC MAM NON
Thö ba,ngay 05/05/2026

HOA ÑÔN ÑI CHÔ

Böa an :An Chính
Ño tuoi :Mau giao
Tong so tre :322

Sang : Hu tíu thòt tom möc nam möôp ca rot gia he bap
Söa grow
Tröa : Côm ca ba sa kho thôm ca chua
Canh bí ño tom kho thòt heo nac
Mon luoc: rau den
Xe: Söa chua
Xe chieu: Chao löôn khoai mon ca rot rau hung

So Tien Tren Moi Tre 36970

STT	Ten thöc pham	Khoi löông(g)	Ñôn gia(ñ/100g)	Thanh tien(ñ)
	*CHÔ			
1	Ram (muoi)	3,000	1,060	31,800
2	Tom kho	200	87,560	175,120
3	Tom bien	2,000	36,540	730,800
4	Möc töôi	1,500	34,230	513,450
5	Löôn	4,000	28,670	1,146,800
6	Ca ba sa	10,000	13,970	1,397,000
7	Nöôc mam Ca (loai 1)	3,000	6,820	204,600
8	Dau thao moc	3,000	6,280	188,400
9	Ñöông cat	4,000	3,880	155,200
10	Dau me	1,000	4,200	42,000
11	Xi dau	1,000	1,100	11,000
12	Gao te may	25,000	2,630	657,500
13	Ngo (bap) töôi	1,000	3,680	36,800
14	Hu tíu	16,000	1,820	291,200
15	Hanh la	1,500	5,360	80,400
16	Hanh cu töôi	1,000	6,300	63,000
17	Ca rot	4,000	5,570	222,800
18	Gia ñau xanh	1,000	2,780	27,800
19	Nam rôm	500	14,180	70,900
20	Möôp	2,000	4,200	84,000
21	Ca chua	3,500	6,300	220,500
22	Bí ngo (Bí ño)	10,000	3,990	399,000
23	Rau ngo (Rau mui)	100	8,820	8,820
24	Rau den	3,500	4,360	152,600
25	He la	100	4,830	4,830
26	Khoai mon	3,000	6,620	198,600
27	Rau hung	100	11,130	11,130
28	Thòt lôn nac	7,500	18,900	1,417,500
29	Döa ta	1,000	3,050	30,500
30	Yaourt	32,200	5,950	1,915,900
	Cong			**10,489,950**
	*XUAT KHO			
31	Söa bot Abbot Grow	6,900	20,500	1,414,500
	Cong			**1,414,500**

Tong tien thöc pham	**11,904,450** ñ
Chi phí khac	0(ñ)
Tien ñöôc chi trong ngay	11914000(ñ)
So dö ñau ngay	0(ñ)
So dö cuoi ngay	9550(ñ)
Xuat an luy ke tö ñau thang	
Tieu chuan luy ke tö ñau thang	
Tien chi luy ke tö ñau thang	

Phó Hiệu Trưởng Duyệt

TRƯỜNG MẦM NON 13/3

Tương Ngọc Thủy Tiên